TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2018/HN-ST
Ngày: 29/11/2018
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Lình.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hữu Cương

2. Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung, thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Đông Hải, kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 179/2018/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2018/QĐXX-ST ngày 26 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Anh Trần Thanh P, sinh năm: 1990 (*vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*)

* *Bị đơn*: Chị Ngô Thị Bích Đ, sinh năm: 1998 (*Vắng mặt không có lý do*)

Cùng địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Thứ 11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 16/7/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Thanh P trình bày và yêu cầu như sau*: Anh và chị Ngô Thị Bích Đ chung sống với nhau từ ngày 19/4/2018 âm lịch và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Thứ 11 vào ngày 14/6/2018. Anh chị đến với nhau là do gia đình mai mối, qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện đi đến hôn nhân, không ai ép buộc.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại khu phố 2, thị trấn Thứ 11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang, Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh không hòa hợp được do mỗi khi anh muốn gần gũi chị Đ cương quyết không cho nên anh rất mặc cảm. Anh cố nhẫn nhịn để cho chị Đ quen dần với cuộc sống vợ chồng nhưng chị

Đ vẫn không có tình cảm với anh và chị Đ đã bỏ về nhà cha mẹ ruột chị sinh sống từ ngày 12/5/2018 âm lịch cho đến nay.

Qua thời gian suy nghĩ, hôn nhân giữa anh và chị Đ không thể hàn gắn được nữa nên anh gửi đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu được ly hôn với chị Ngô Thị Bích Đ.

- Về con chung: Anh và chị Đ không có con chung.

- Về tài sản chung: Trong ngày cưới, bên gia đình anh có cho vợ chồng 05 chỉ vàng 24kr và 01 đôi bông tai vàng 18kr, khi chị Đ đi có mang theo hết số vàng này hiện nay chị Đ đang quản lý và anh có yêu cầu chị Đ giao lại cho anh được sở hữu 05 chỉ vàng 24kr. Nhưng đến ngày 17/10/2018 anh P có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tài sản chung, cụ thể là anh không yêu cầu chị Đ giao lại cho anh 05 chỉ vàng 24kr.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn anh Trần Thanh P vắng mặt có lý do.

- Bị đơn chị Ngô Thị Bích Đ vắng mặt không có lý do.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự;

Đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay phía nguyên đơn anh P đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định; phía bị đơn chị Bích Đ vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 72 BLTTDS.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Về hôn nhân cho anh P được ly hôn với chị Bích Đ; Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị Bích Đ đều vắng mặt không có lý do. Toà án triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Bích Đ không tham gia. Tòa án đã triệu tập chị Bích Đ tham gia phiên tòa lần hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Xét thấy, trường hợp vắng mặt của chị Bích Đ không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và anh P có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh P và chị Đ.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh P và chị Đ chung sống với nhau từ tháng 4/2018 âl và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Thứ 11 vào ngày 14/6/2018 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của anh P đối với chị Đ là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì anh P và chị Đ chung sống với nhau thời gian khoảng 01 tháng thì do vợ chồng không thể hòa hợp nên chị Đ đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ ngày 12/5/2018 âm lịch. Anh P xác định hôn nhân giữa anh và chị Bích Đ không thể hàn gắn được dẫn đến việc anh chị đã ly thân nhau từ ngày 25/6/2018 (nhằm ngày12/5/2018 âm lịch) đến nay.

Qua xác minh tại nơi cư trú (khu phố 2) cho thấy sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân giữa anh P và chị Đ không hạnh phúc, lý do là chị Đ luôn từ chối và phản ứng quyết liệt khi anh P muốn gần gũi khiến anh P mặc cảm và chị Đ đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Ngoài ra, trong suốt quá trình giải quyết vụ án chị Bích Đ không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của anh P.

Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được trong hồ sơ để giải quyết vụ án. Tuy nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh P và chị Đ là không có nhưng giữa anh chị đã thật sự ly thân từ tháng 6/2018 (tháng 5/2018 âm lịch) đến nay mà anh chị vẫn không hàn gắn lại được tình cảm, không tới lui để quan tâm, chăm sóc nhau là anh chị đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của anh P và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho anh P được ly hôn với chị Bích Đ.

[3] *Về quan hệ con chung:* Không có, HĐXX không xem xét.

[4] *Về tài sản chung:* Vợ chồng có 05 chỉ vàng 24kr và 01 đôi bông vàng 18kr do cha mẹ anh P cho trong ngày cưới, hiện nay chị Đ đang quản lý số tài sản này. Anh P xác nhận không yêu cầu chị Đ giao lại cho anh sỡ hữu 05 chỉ vàng 24kr và có đơn xin rút yêu cầu đối với phần tài sản chung. HĐXX xét thấy, đây là sự tự nguyện của anh P và sự tự nguyện này không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận và thống nhất đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh P đối với phần tài sản chung của vợ chồng.

Khi có tranh chấp về phần tài sản chung giữa anh P và chị Đ thì anh P có quyền khởi kiện lại thành vụ kiện dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[5] *Về nợ chung*: Anh P xác nhận không có tranh chấp nên HĐXX không xem xét.

[6] *Về án phí sơ thẩm*: Nguyên đơn anh Trần Thanh P phải chịu án phí ly hôn số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

[7] *Quyền kháng cáo*: Anh P và chị Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Trần Thanh P được ly hôn với chị Ngô Thị Bích Đ.

- Về án phí sơ thẩm: Anh Trần Thanh P chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp số tiền là 725.000 đồng (*Bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo lai thu số 0008875 ngày 17/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Anh P còn được nhận lại số tiền là 425.000 đồng (*Bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo lai thu nói trên.

- *Quyền kháng cáo*: Anh Trần Thanh P và chị Ngô Thị Bích Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Trịnh Thị Cẩm Lình

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh KG;
- UBND xã thực hiện việc Kết hôn.
- Lưu HS, VP.